TÒA ÁN NHA DA **HUYỆN VĨNH CỬU** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 09/2020/QĐST-DS	*Vĩnh cửu, ngày 15 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dA sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 07 tháng 7 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dA sự thụ L số: 61/2020/TLST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Ông Lê Ngọc M, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số nhà 23, tổ 1, ấp C, xã P, huyện V, tỉnh Đ.

**Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Thôn 1, xã L, huyện M, tỉnh Q.

Người đại diện theo ủy quyền của ông V, bà H là: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1981. Địa chỉ: Số nhà 46, tổ 2, ấp C, xã P, huyện V, tỉnh Đ. (Văn bản ủy quyền ngày 28/4/2020 và ngày 08/5/2020).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Phạm Thị H1, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số nhà 23, tổ 1, ấp C, xã P, huyện V, tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H1 là: Ông Lê Ngọc M, sinh năm 1974. Địa chỉ: Số nhà 23, tổ 1, ấp Cây Cầy, xã Phú L, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. (Văn bản ủy quyền ngày 26/3/2020).

- Ông Nguyễn A, sinh năm 1984 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số nhà 46, tổ 2, ấp C, xã P, huyện V, tỉnh Đ.

2. Sự thỏa thuận giữa các đương sự cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn A và bà Nguyễn Thị L đồng ý trả lại cho ông Lê Ngọc M và bà Phạm Thị H1 phần đất có diện tích 86.1m^2 tại thửa đất số 191, tờ bản đồ số 60 xã P, huyện V, tỉnh Đ, được giới hạn bởi các điểm (4,5,12,13, 4) theo bản vẽ trích lục và đo hiện trạng khu đất bản đồ địa chính số 1016/2020 (Tỷ lệ 1:1000) ngày 12/5/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai- chi nhánh Vĩnh Cửu thực hiện. Phần đất theo chứng thư thẩm định giá số 1187/TĐG-CT ngày 19/5/2020 của công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Nai có

giá trị là 120.540.000đ (một trăm hai mươi triệu năm trăm bốn mươi ngàn đồng).

Ông Lê Ngọc M và bà Phạm Thị H1 đồng ý thanh toán lại cho ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị H giá trị 01 cây xoài và 01 cây mít. Theo chứng thư thẩm định giá số 1187/TĐG-CT ngày 19/5/2020 của công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Nai 01 cây xoài có giá trị là 644.000đ (sáu trăm bốn mươi bốn ngàn đồng) và 01 cây mít có giá trị 450.000đ (bốn trăm năm mươi ngàn đồng). Tổng cộng là 1.094.000đ (một triệu không trăm chín mươi bốn ngàn đồng).

Ông Nguyễn A và bà Nguyễn Thị L đồng ý tháo dỡ hàng rào lưới B40, cao 1,5m, dài 77m, kết cấu trụ sắt tròn D90. Theo chứng thư thẩm định giá số 1187/TĐG-CT ngày 19/5/2020 của công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Nai hàng rào có giá trị là 6.144.600đ (sáu triệu một trăm bốn mươi bốn ngàn sáu trăm đồng).

Về chi phí tố tụng: Chi phí đo vẽ, thẩm định giá, xem xét thẩm định tại chỗ là 9.575.996đ (chín triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn chín trăm chín sáu đồng) ông Lê Ngọc M tự nguyện chịu toàn bộ. Ông M đã nộp số tiền này.

Về án phí: Ông Lê Ngọc M tự nguyện chịu 50% án phí hòa giải thành là 1.583.500đ (một triệu năm trăm tám mươi ba ngàn năm trăm đồng) được trừ tiền tạm ứng đã nộp là 963.500đ (chín trăm sáu mươi ba ngàn năm trăm đồng) trong đó: 575.000đ (năm trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002432 ngày 03/3/2020 và 388.500đ (ba trăm tám mươi tám ngàn năm trăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003062 ngày 22/6/2020 của Chi cục Thi hành án dA sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Ông M phải nộp thêm 620.000đ (sáu trăm hai mươi ngàn đồng) tiền án phí.

Ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị H được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thanh toán với số tiền như đã thỏa thuận nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật DA sự 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dA sự thì người được thi hành án dA sự, người phải thi hành án dA sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dA sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dA sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H. Vĩnh Cửu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đức Đại